

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Ngưỡng 1,645 trở thành ngưỡng kháng cự của VN-Index ngày hôm nay. Sau một ngày giằng co trước ngưỡng này, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,643.26 điểm, tăng gần 6 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn, đặc biệt bán ròng gần 3 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Thanh khoản sụt giảm mạnh trong ngày hôm nay cho thấy tâm lý thị trường còn e dè. Trong những phiên tới, VN-Index có thể sẽ tiếp tục giao dịch trong vùng 1,610 – 1,670 để tìm điểm cân bằng. Biên độ dao động nên thu hẹp dần để hình thành nền giá vững chắc hơn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 10/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+5.94** điểm, đóng cửa tại **1643.26** điểm. HNX-Index **-0.22** điểm, đóng cửa tại **274.6** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.77)**, **VIC (+1.55)**, **CTG (+1.14)**, **BSR (+0.94)**, **TCB (+0.83)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.35)**, **GVR (-0.28)**, **LPB (-0.24)**, **VNM (-0.24)**, **NVL (-0.20)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,598** tỷ đồng, giảm **-14.01%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 29,888 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 23.39 điểm. Thị trường có **149** mã tăng, 55 mã tham chiếu, **171** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2933.10** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-337.37 tỷ)**, **MWG (-289.64 tỷ)**, **MBB (-179.62 tỷ)**, **DIG (-161.05 tỷ)**, **NVL (-157.85 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-70.01** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.11%**. Các mã diễn biến tích cực:
BSR (+4.84%) ([Link báo cáo](#))
DBC (+3.34%) ([Link báo cáo](#))
CTG (+1.81%) ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.09%**. Các mã diễn biến tích cực:
GEX (+3.15%) ([Link báo cáo](#))
PVD (+2.48%) ([Link báo cáo](#))
DGW (+2.04%) ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.11%	-0.09%	0.36%	0.19%
1 tuần	-2.49%	-3.02%	-2.26%	-1.66%
1 tháng	1.12%	-0.75%	2.91%	4.98%
3 tháng	20.83%	23.96%	24.21%	29.49%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,643.26	274.60	110.37
% 1D	0.36%	-0.08%	0.44%
GTKL (tỷ VND)	24,598	1,892	441
%1D	-14.01%	-9.24%	-38.05%
GDNN (tỷ VND)	-2933.10	-70.01	-8.28

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	25.36	HPG	-337.37
BAF	18.54	MWG	-289.64
DBC	15.60	MBB	-179.62
FUEVFVND	14.17	DIG	-161.05
TAL	12.88	NVL	-157.85

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

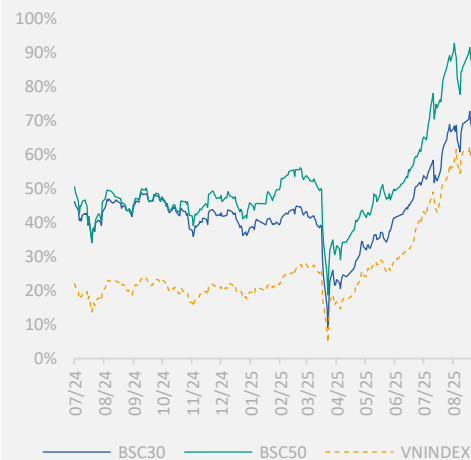
		%D	%W
SPX	6,513	0.27%	1.51%
FTSE100	9,256	0.15%	0.85%
Eurostoxx	5,380	0.32%	1.02%
Shanghai	3,812	0.13%	-0.04%
Nikkei	43,838	0.87%	4.57%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.05	0.99%
Giá vàng	3,646	-0.74%
Tỷ giá		
USD/VND	26,482	-0.06%
EUR/VND	31,652	-0.61%
JPY/VND	183	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.01%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

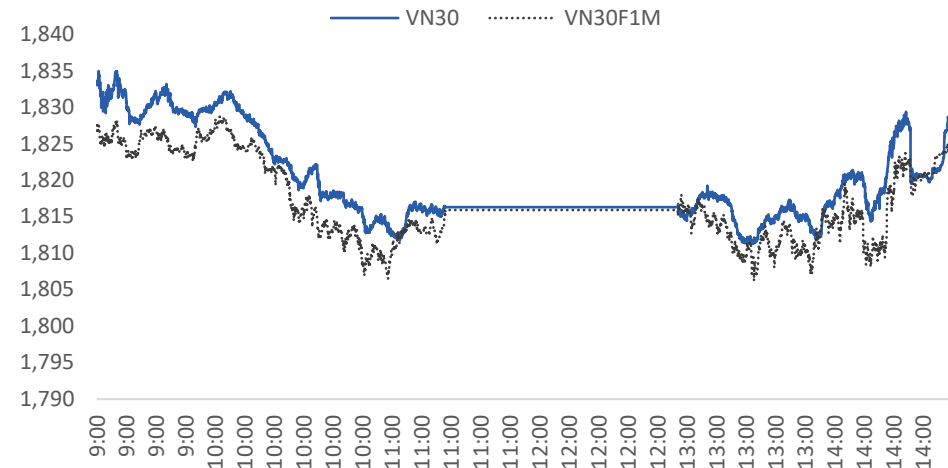
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1824.80	-0.01%	328,033	-7.2%	18/09/2025	8
41I1FA000	1819.20	0.17%	1,301	-30.4%	16/10/2025	36
VN30F2512	1810.40	0.42%	219	-41.4%	18/12/2025	99
41I1G3000	1804.00	0.41%	65	3.17%	19/03/2026	190

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +3.46 điểm, đóng cửa tại 1828.63 điểm. Biên độ dao động 34.25 điểm. Các cổ phiếu như VIC, TCB, MBB, VCB, CTG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 chìm trong sắc đỏ từ khi mở cửa. Chỉ số kết phiên giảm hơn 2%. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2515	23/12/2025	104	100	-13.51%	61.00	5,410	34.9%	8.32	88.05	101.80	101.80
CTCB2510	23/12/2025	104	5,100	3.41%	31.00	3,110	11.5%	2.88	40.33	39.00	39.00
CHPG2523	23/06/2026	286	22,800	9.68%	24.15	3,000	10.7%	2.67	31.64	28.85	28.85
CMSN2509	19/12/2025	100	362,600	12.10%	82.00	880	8.6%	0.61	90.80	81.00	81.00
CSHB2505	23/02/2026	166	8,300	6.81%	11.77	4,250	8.4%	3.73	19.01	17.80	17.80
CVNM2407	4/11/2025	55	802,800	13.97%	65.17	520	8.3%	0.09	68.15	59.80	59.80
CSTB2505	9/10/2025	29	3,000	1.99%	40.00	4,990	7.5%	4.68	54.97	53.90	53.90
CTCB2511	23/03/2026	194	328,000	8.36%	35.00	2,420	7.1%	2.15	42.26	39.00	39.00
CSTB2510	19/11/2025	70	200	4.12%	44.00	3,030	7.1%	2.68	56.12	53.90	53.90
CMBB2518	23/02/2026	166	131,800	3.25%	21.75	4,050	6.9%	4.00	27.83	26.95	26.95
CMBB2505	9/04/2026	211	120,800	3.94%	17.10	4,850	6.8%	4.60	28.01	26.95	26.95
CMBB2509	12/01/2026	124	100	3.41%	18.38	6,330	6.7%	5.93	27.87	26.95	26.95
CHPG2508	23/10/2025	43	44,400	0.96%	22.48	3,990	6.7%	3.91	29.13	28.85	28.85
CTCB2506	23/10/2025	43	63,300	0.72%	25.00	3,570	6.6%	3.53	39.28	39.00	39.00
CSSB2505	3/12/2025	84	80,400	13.39%	20.22	1,200	6.2%	0.51	22.62	19.95	19.95
CSTB2519	23/06/2026	286	52,600	12.54%	51.00	3,220	5.9%	3.20	60.66	53.90	53.90
CSTB2518	11/12/2025	92	10,400	6.72%	44.00	3,380	5.6%	2.76	57.52	53.90	53.90
CHPG2510	5/02/2026	148	29,000	5.35%	24.15	2,500	5.5%	2.29	30.39	28.85	28.85
CTCB2503	27/10/2025	47	167,500	0.62%	26.00	6,620	5.4%	6.58	39.24	39.00	39.00
CMBB2407	4/11/2025	55	16,600	0.69%	16.94	7,820	5.1%	7.77	27.13	26.95	26.95

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 10/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVHM2515 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 34.91%. CSTB2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.39%.
 - CMBB2507, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CFPT2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2502, CVHM2408, CVIC2509, CVIC2505, CVIC2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	130.90	1.32%	2.32
TCB	39.00	1.30%	1.39
MBB	26.95	1.13%	0.66
VCB	65.80	1.39%	0.60
CTG	50.50	1.81%	0.52

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	101.20	-0.88%	-1.15
MWG	75.50	-0.66%	-0.80
LPB	41.95	-0.83%	-0.70
VNM	59.80	-0.83%	-0.60
STB	53.90	-0.55%	-0.38

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	65.80	1.39%	1.77	8.36
VIC	130.90	1.32%	1.55	3.88
CTG	50.50	1.81%	1.14	5.37
BSR	27.10	4.84%	0.94	3.10
TCB	39.00	1.30%	0.83	7.09

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	154.80	1.64%	0.35	0.20
PVS	34.30	1.48%	0.17	0.48
IDC	43.00	1.42%	0.14	0.33
THD	26.30	1.94%	0.13	0.38
VIF	16.30	2.52%	0.10	0.35

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	8.72	6.99%	0.01	0.00
HT1	18.40	6.98%	0.11	2.53
S4A	38.45	6.95%	0.03	0.00
DAT	9.09	6.94%	0.01	0.05
TAL	41.60	6.94%	0.21	3.20

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L40	55.20	9.96%	0.24	0.01
S99	10.10	9.78%	0.41	1.71
VBC	23.60	9.77%	0.07	0.00
CMC	9.30	9.41%	0.02	0.00
TTC	7.30	8.96%	0.02	0.03

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	101.20	-0.88%	-0.35	1.70
GVR	28.30	-1.05%	-0.28	4.00
LPB	41.95	-0.83%	-0.24	2.99
VNM	59.80	-0.83%	-0.24	2.09
NVL	15.80	-2.77%	-0.20	1.95

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	36.50	-1.88%	-0.27	0.57
HUT	19.00	-2.06%	-0.24	0.89
CEO	23.70	-1.66%	-0.15	0.54
SHS	26.60	-0.75%	-0.12	0.89
NVB	15.20	-0.65%	-0.08	1.17

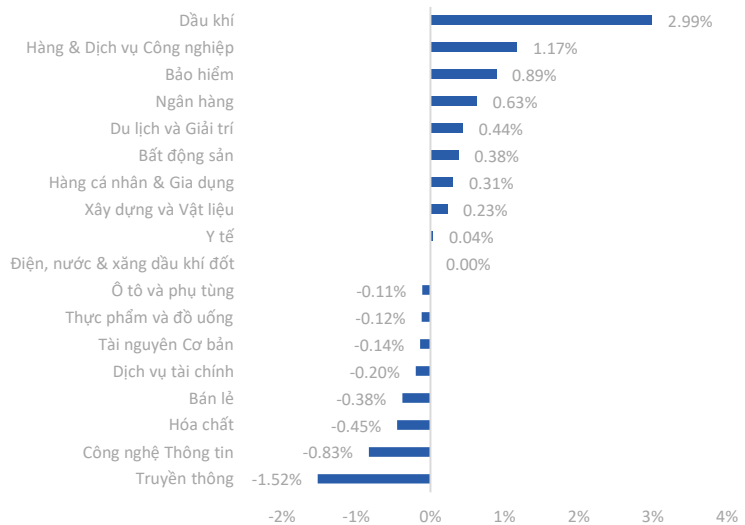
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DRH	2.96	-6.92%	-0.01	2.82
FUEFCV50	14.72	-6.12%	0.00	0.00
NVT	8.03	-6.08%	-0.01	0.00
HRC	30.10	-4.44%	-0.01	0.00
VRC	14.20	-4.05%	-0.01	0.43

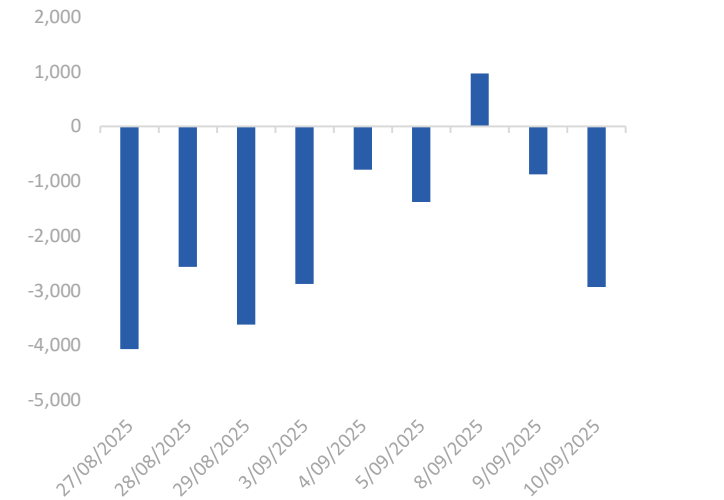
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NBW	37.40	-9.88%	-0.16	0.00
VNT	29.30	-9.57%	-0.19	0.00
CAN	33.60	-8.94%	-0.06	0.01
RCL	12.50	-8.76%	-0.06	0.01
VDL	9.60	-7.69%	-0.04	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	75.5	-0.7%	1.4	112,363	639.3	3,304	23.0	84,700	47.8%	Link
KBC	Bất động sản	37.8	-1.4%	1.2	36,116	296.1	1,835	20.9	-	13.7%	Link
KDH	Bất động sản	34.7	-0.3%	1.3	39,053	111.0	716	48.6	39,900	31.9%	Link
PDR	Bất động sản	23.4	-1.1%	1.6	23,172	485.4	177	133.9	28,200	10.9%	Link
VHM	Bất động sản	101.8	0.4%	0.9	416,492	393.9	6,984	14.5	92,000	9.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	101.2	-0.9%	0.7	173,928	856.0	5,092	20.1	118,700	37.5%	Link
BSR	Dầu khí	27.1	4.8%	0.0	80,148	385.1	(16)	(1,607)	23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	34.3	1.5%	1.5	16,155	121.8	2,644	12.8	42,800	10.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.6	-1.3%	1.5	30,131	260.4	1,106	25.2		38.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	42.5	1.1%	1.4	87,188	1845.1	1,575	26.7		38.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	43.9	-2.2%	1.4	32,445	319.4	1,369	32.8		28.1%	
DCM	Hóa chất	37.9	0.9%	1.5	19,853	96.4	3,186	11.8	47,300	6.9%	Link
DGC	Hóa chất	95.9	0.3%	1.4	36,307	75.3	8,175	11.7	109,300	12.9%	Link
ACB	Ngân hàng	26.6	0.0%	0.9	136,378	375.5	3,305	8.0	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.7	0.1%	1.0	285,418	223.6	3,683	11.0	49,500	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	50.5	1.8%	1.1	266,352	609.2	5,608	8.9	53,500	26.4%	Link
HDB	Ngân hàng	31.6	0.2%	1.2	110,269	468.8	4,075	7.7	30,800	17.3%	Link
MBB	Ngân hàng	27.0	1.1%	1.1	214,666	784.2	3,046	8.8	32,000	22.6%	Link
MSB	Ngân hàng	13.8	-1.8%	1.1	43,680	126.4	1,634	8.6	14,000	29.7%	Link
STB	Ngân hàng	53.9	-0.6%	1.1	102,179	669.8	6,148	8.8		19.1%	
TCB	Ngân hàng	39.0	1.3%	1.0	272,820	1186.6	3,018	12.8	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.2	-1.3%	1.2	51,386	391.3	2,423	8.0	-	24.6%	Link
VCB	Ngân hàng	65.8	1.4%	0.9	542,283	327.4	4,148	15.7	75,700	21.7%	Link
VIB	Ngân hàng	20.9	-0.7%	1.0	71,654	538.1	2,218	9.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	32.5	0.2%	1.0	257,059	784.8	2,193	14.8	26,500	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.9	0.0%	1.3	221,437	1520.6	1,750	16.5	34,300	19.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.5	-2.3%	1.4	12,358	136.8	751	26.5	23,800	10.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.4	3.3%	1.4	10,949	462.0	4,124	6.9	31,700	4.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	81.0	0.0%	1.3	117,119	583.4	1,861	43.5	92,700	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	59.8	-0.8%	0.7	126,024	209.8	4,101	14.7	64,500	48.8%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	42.6	2.04%	1.4	9,150	72.0	2,216	18.8	22.4%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	128.5	0.23%	0.9	21,833	125.1	3,163	40.5	31.1%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	57.3	0.88%	1.2	42,164	12.2	3,294	17.2	27.1%	10.6%	
DIG	Bất động sản	23.6	-2.89%	1.5	15,676	565.2	211	114.7	7.1%	1.8%	
DXG	Bất động sản	23.2	-1.49%	1.5	23,944	359.0	350	67.2	25.4%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	34.2	-1.01%	1.3	6,162	74.6	482	71.7	6.7%	3.8%	
HDG	Bất động sản	29.9	-2.29%	1.5	11,321	107.7	540	56.7	19.2%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	43.0	1.42%	1.3	16,091	158.9	3,977	10.7	16.6%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	41.3	-1.43%	1.4	16,135	91.8	1,709	24.5	46.1%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	58.0	-1.19%	1.3	14,212	18.5	5,215	11.3	4.0%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.1	-0.44%	1.1	6,165	27.3	1,978	17.3	2.8%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.5	-1.38%	1.4	18,937	119.2	1,106	19.7	10.8%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	130.9	1.32%	0.9	497,810	879.7	3,487	37.1	3.8%	9.6%	
VRE	Bất động sản	30.6	0.99%	0.9	68,851	82.7	1,937	15.6	17.5%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.9	-0.13%	1.4	8,459	10.2	1,701	23.5	38.5%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	35.4	-0.14%	1.0	45,042	33.8	1,661	21.3	16.2%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	22.7	2.48%	1.3	12,313	143.3	1,428	15.5	4.0%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.7	-0.40%	1.5	13,098	71.7	1,348	28.1	25.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	36.5	-1.88%	1.8	21,308	465.0	1,554	23.9	5.9%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.9	-0.32%	1.1	149,844	47.0	5,002	12.4	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.1	-0.66%	1.2	35,596	92.6	636	23.9	2.7%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.9	1.21%	0.8	35,804	38.3	4,417	15.0	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	144.9	-0.07%	0.8	85,784	283.0	3,427	42.3	7.3%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.5	3.15%	1.4	46,654	382.6	1,736	29.8	6.7%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.7	0.73%	1.2	28,657	383.8	3,826	17.8	41.7%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.8	1.05%	1.2	9,659	164.5	5,700	10.0	6.3%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.0	0.84%	1.2	8,365	21.1	2,306	7.7	8.0%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.4	0.00%	0.0	12,105	13.7	3,317	30.0	4.6%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.2	0.58%	1.1	28,958	30.6	6,115	14.0	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.0	-0.33%	1.0	3,372	44.9	2,693	11.2	49.8%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.3	1.50%	1.5	2,452	9.5	2,841	7.0	16.5%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.4	-0.19%	1.2	17,950	55.5	957	27.6	6.8%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.3	-1.05%	1.3	114,400	80.8	1,331	21.5	0.5%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	26.9	-1.10%	1.2	50,666	524.0	1,783	15.3	5.4%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	42.0	-0.83%	0.5	126,362	104.2	3,324	12.7	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.5	0.98%	0.0	26,336	22.5	2,260	6.8	1.6%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	13.2	0.38%	1.0	35,019	104.1	1,130	11.6	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.9	-0.28%	1.4	8,034	356.1	666	27.0	8.1%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.7	-1.60%	1.5	7,482	58.3	1,871	15.0	2.8%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.5	0.88%	0.7	10,382	132.6	1,981	17.2	2.9%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.3	-0.11%	0.6	59,383	27.5	3,185	14.5	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.0	-0.51%	1.2	13,086	56.3	6,444	9.1	20.0%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	148.5	-1.26%	0.8	12,312	14.6	13,894	10.8	85.3%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.6	0.67%	1.4	7,617	25.8	4,512	16.7	46.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.8	-0.11%	1.3	10,055	13.1	4,930	17.8	6.0%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.0	0.35%	1.4	4,314	43.3	2,518	17.0	1.8%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.6	-1.02%	1.4	7,337	82.5	1,077	13.7	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.3	1.55%	1.2	9,245	47.7	1,189	21.7	14.7%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25.3	-0.59%	1.3	16,453	153.1	1,195	21.3	8.6%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	56.1	-3.11%	1.5	25,959	94.6	3,343	17.3	6.1%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 08/2025_Thuế quan – Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
9	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
10	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
11	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>